

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/DS-PT
Ngày 15/5/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168A/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Lê Thanh B, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp , xã Phú Đ, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Phạm Chí H, sinh năm 1986;

2. Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Khóm , thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị Mai T, sinh năm 1971;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2020*);

Địa chỉ: Ấp , xã Phú Đ, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người kháng cáo:** Ông Lê Thanh B là nguyên đơn.

Ông B có mặt tại phiên tòa, ông H, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh B, ông Nguyễn Hoàng G trình bày:

Trước đây ông B và vợ ông B là bà T có đưa tiền cho vợ chồng ông H nhiều lần và đã thanh toán xong. Tuy nhiên sau đó có đưa tiếp 07 lần tiền, không có có làm biên nhận. Đến ngày 27/02/2019 thì đối chiếu sổ sách thì ông H còn thiếu 630.000.000 đồng và ông H có viết giấy nhận nợ. Số tiền này ông H vay về phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình và phục vụ kinh doanh.

Đối với số tiền hui thì ông B, bà T thừa nhận còn thiếu lại ông H 45.000.000 đồng tiền hui và đồng ý trừ vào số tiền 630.000.000 đồng. Như vậy tiền vay 630.000.000 đồng - tiền hui 45.000.000 đồng = 585.000.000 đồng.

Nay ông G là người diện theo ủy quyền của ông B yêu cầu ông H, bà D có trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền vay gốc còn thiếu là 585.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/3/2019 đến ngày 26/11/2019 là 07 tháng 29 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 38.692.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 623.692.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng). Ngoài ra không có yêu cầu ai khác và không yêu cầu gì khác.

- Tại văn bản ý kiến 13/6/2019, đơn yêu cầu phản tố ngày 29/10/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Chí H trình bày:

Ông H thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 27/02/2019 số tiền 630.000.000 đồng với ông B, nhưng thực tế số tiền này ông H nhận của vợ ông B là bà Huỳnh Thị Mai T để ông H cho người khác vay và ông H thu tiền lãi đem về cho bà T để hưởng hoa hồng, ông có gửi trả nhiều lần với tổng số tiền là 322.000.000 đồng (trả trước khi làm biên nhận và sau khi làm biên nhận) trả không có làm giấy tờ do chỗ người nhà với nhau nên tin tưởng. Tại phiên tòa ông H cho rằng ông trả nợ không có giấy tờ gì chứng minh nên ông đồng ý trả số tiền 630.000.000 đồng

theo yêu cầu của ông B. Ông H vay tiền không đem về phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình cũng không phục vụ kinh doanh, còn biên nhận ghi là “*mục đích mượn của dương út để kinh doanh cho gia đình*” là ông H ghi theo yêu cầu của ông B.

Ngoài ra, bà T có tham gia chơi hụi và còn thiếu lại tiền nợ hụi sống 27.000.000 đồng và tiền hụi chết 45.000.000 đồng, tổng cộng 72.000.000 đồng, bà T, ông B cũng thừa nợ tiền hụi chết 45.000.000 đồng, còn 27.000.000 đồng tiền hụi sống thì không thừa nhận, ông H cũng không có giấy tờ gì chứng minh. Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu ông B, bà T liên đới trả 45.000.000 đồng tiền hụi chết và đồng ý trừ vào số nợ vay 630.000.000 đồng, còn lại 585.000.000 đồng, số tiền trên không liên quan gì đến vợ là bà D, ông H đồng ý trả nợ một mình nhưng xin trả dần và xin bớt lãi.

- *Tại văn bản ý kiến 13/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D trình bày:*

Bà D không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông B, vì ông H vay tiền bà D hoàn toàn không biết. Mặt khác bà D cũng không có sử dụng khoản tiền nào của ông H đem về, do bà D có buôn bán nên đủ tiền chi tiêu gia đình nên bà D không đồng ý cùng trả nợ với ông H.

- *Ông Lê Thanh B đại diện theo ủy quyền bà Huỳnh Thị Mai T trình bày:* Ông B đại diện theo ủy quyền bà T thừa nhận là có thiếu ông H tiền hụi 45.000.000 đồng và đồng ý căn trừ vào số tiền nợ ông H nợ 630.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam N đã xử tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Thanh B đối với ông Phạm Chí H.

Buộc ông Phạm Chí H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh B số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 38.692.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 623.692.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D cùng liên đới trả nợ với ông Phạm Chí H.

3. Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Phạm Chí H đối với ông Lê Thanh B và bà Huỳnh Thị Mai T.

Buộc ông Lê Thanh B và bà Huỳnh Thị Mai T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Chí H số tiền hui còn thiếu 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền này đã được trừ vào số tiền vay 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng) mà ông Phạm Chí H có trách nhiệm trả cho ông Lê Thanh B.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Chí H phải nộp 28.947.000 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0005672, ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N. Ông Phạm Chí H còn phải nộp tiếp 27.147.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Lê Thanh B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.600.000đ (Mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0000371 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 11 năm 2019, ông Lê Thanh B là nguyên đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam N: Lý do vụ án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-DS ngày 07/11/2019, nhưng Tòa án nhân dân huyện Tam N tách ra thành 02 vụ án theo Quyết định số 02/2019/QĐST-DT ngày 22/11/2019 và Tòa án nhân dân huyện Tam N ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số 189/2019/QĐST-DT ngày 22/11/2019, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Thanh B khởi kiện yêu cầu ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị Lệ D trả số tiền vay vốn 630.000.000 đồng. Ông B và bà T thống nhất còn nợ tiền hui của ông H 45.000.000 đồng tiền hui và thống nhất trừ vào số tiền vay mà ông H và bà D còn nợ. Ông B và bà T yêu cầu ông H và bà D trả vốn 585.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 27/3/2019 đến ngày 26/11/2019 mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 38.692.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 623.692.000 đồng.

[2] Ông Phạm Chí H thừa nhận ngày 27/02/2019 có ký tên vào biên nhận vay của ông B số tiền 630.000.000 đồng, nhưng thực tế số tiền vay ông H nhận của vợ ông B là bà Huỳnh Thị Mai T, để cho người khác vay lại, hưởng huê hồng, ông H có trả lãi cho bà T được số tiền 322.000.000 đồng, nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh, nên ông H thống nhất trả cho ông B và bà T 630.000.000 đồng. Về phí ông B và bà T có tham gia chơi hui do ông H làm chủ, còn nợ ông H số tiền 45.000.000 đồng tiền hui, thống nhất trừ vào số tiền vay còn nợ của ông B và bà T 630.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xử buộc ông Phạm Chí H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh B số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 38.692.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 623.692.000 đồng.

Ông B không thống nhất có đơn kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông B cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên ông H và bà D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Ông B có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/6/2019 giữa ông Phạm Chí H và bà Phạm Thị Kim H. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 07/11/2019, đối với vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui, tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, nhưng đến ngày 22/11/2019 Tòa án cấp sơ thẩm tách thành 02 vụ án và ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là vi phạm Bộ luật tố tụng dân sự, nên ông B yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[4] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/7/2019 ông B có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài sản của ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị Lệ D là căn nhà và quyền sử dụng đất thửa 152, diện tích 100m² tờ bản đồ số 60, do Ủy ban nhân dân huyện Tam N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Chí H đứng tên, đến ngày 08/8/2019 ông B có đơn xin rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 31/7/2019, ông B không có chứng cứ chứng minh việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm để ông H tẩu tán tài sản, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên đối với kháng cáo phần này là không có cơ sở.

[5] Sau khi ông B có đơn xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đến ngày 15/8/2019 ông B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Chí H và bà Phạm Thị Kim H, tuyên bố Văn bản công chứng số 1121, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HHGD ngày 04/6/2019 do Công chứng viên Bùi Đức G ký là vô hiệu. Ngày 21/8/2019 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý bổ sung yêu cầu của ông B, đến ngày 22/11/2019 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tách vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui, tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thành 02 vụ án gồm: Vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui và vụ án: Tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”. Đồng thời, ngày 22/11/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định đưa vụ án tranh chấp giữa ông B với ông H, bà D, bà H ra xét xử, trong trường hợp ông B không có quyền yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì Tòa án cấp sơ thẩm vẫn quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông B trong cùng một vụ án, không nhất thiết ban hành quyết định tách vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tách vụ án và đình chỉ giải quyết đối vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, nhưng vẫn đảm bảo các quyền của ông B theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, hiện ông B kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đang thụ lý xem xét kháng cáo của ông B đối với quyết định đình chỉ, nên đối với kháng cáo phần này là không có cơ sở.

[6] Đối với việc ông B kháng cáo, yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D liên đới cùng với anh H trả 623.692.000 đồng. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai đối

chất ngày 15/10/2019 ông B trình bày là vợ chồng ông có cho vợ chồng của ông H mượn từ tháng 02/2018 đến cuối tháng 08/2018 là 7 lần với số tiền 630.000.000 đồng, mục đích vay là phục vụ kinh doanh. Bà D xác định việc ông H vay tiền sử dụng vào việc gì bà D không biết, ông H không có đem tiền này về nhà, nên không đồng ý cùng ông H trả nợ. Theo biên nhận ngày 19/11/2018 có nội dung: “Tôi tên Phạm Chí H, sinh năm 1986, ngụ tại khóm 2, thị trấn Tràm C, Tam N, Đồng Tháp, có mượn của Út T số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng)”.

Như vậy, theo nội dung biên nhận ngày 19/11/2018, thì chỉ có một mình ông H là người vay (mượn) tiền của bà T, đến ngày 27/02/2019 ông H viết lại biên nhận còn nợ số tiền của ông B là 630.000.000 đồng. Theo ông H thì ông B kêu ông H viết lại biên nhận ngày 27/02/2019 ghi mục đích vay là để kinh doanh cho gia đình, biên nhận ngày 27/02/2019 cũng không có bà D ký tên. Tại biên bản ghi lời khai đối chất ngày 06/11/2019 ông B trình bày: “Lúc đầu H viết nhận 650.000.000 đồng, sau đó tính toán lại là chỉ có nợ 630.000.000 đồng thôi, nên H mới viết lại biên nhận 630.000.000 đồng”. Điều đó, chứng tỏ biên nhận ngày 27/02/2019 được viết lại từ biên nhận ngày 19/11/2018, nên việc ông B trình bày cho vợ chồng ông H vay mục đích phục vụ kinh doanh gia đình là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cũng không cung cấp được chứng cứ, ông H và bà D vay để phục vụ kinh doanh sinh hoạt trong gia đình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với nội dung kháng cáo này.

[7] Đối với số tiền bà T cho ông H vay theo biên nhận ngày 19/11/2019, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H trả cho ông B số tiền 623.692.000 đồng, mà không trả cho bà T và ông B, bà T không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông B phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam N, về cách tuyên án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Thanh B đối với ông Phạm Chí H.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D cùng liên đới trả nợ với ông Phạm Chí H.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Chí H đối với ông Lê Thanh B và bà Huỳnh Thị Mai T.

Buộc ông Phạm Chí H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh B số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 38.692.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 623.692.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Chí H phải nộp 28.947.000 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0005672, ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N. Ông Phạm Chí H còn phải nộp tiếp 27.147.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Lê Thanh B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.600.000đ (Mười bốn

triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0000371 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Ông B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông B theo biên lai số 0005709 ngày 29/11/2019 là 300.000 đồng được trừ vào tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam N;
- CCTHADS huyện Tam N;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng